

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 8 – 2020
V/v “Tranh chấp chia tài sản sau khi
ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ- TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.

- Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Hồng

Bà Hồ Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày: Năm 2019 bà M và ông T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ giải quyết ly hôn. Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 94/2019/HNGĐ-ST ngày 11/6/2019 không công nhận bà M và ông T là vợ chồng. Quá trình chung sống bà M và ông T có tạo lập tài sản là nhà và đất tại

khu vực T, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Khi Tòa án giải quyết ly hôn bà M và ông T thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau: Phần tài sản chung là nhà và đất bà M giao hết cho ông T quản lý, ông T có nghĩa vụ giao lại cho bà M số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) vào ngày 03/02/2020 theo văn bản thỏa thuận ngày 14/5/2018.

Ông T không thực hiện việc giao tiền như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu ông T giao lại số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) trong thời gian hai tháng.

Bị đơn Đặng Văn T trình bày: Ông T thừa nhận khi Tòa án giải quyết ly hôn ông và bà M có tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, theo văn bản thỏa thuận ngày 14/5/2018. Toàn bộ tài sản chung ông T được tiếp tục quản lý, sử dụng và ông T có trách nhiệm giao lại cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn giao tiền vào ngày 03/02/2020. Nay ông T đồng ý giao cho bà M số tiền 100.000.000 đồng nhưng trong thời hạn 02 năm, năm 2021 giao 50.000.000 đồng và năm 2022 giao 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung : Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T giao cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, theo văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung ngày 14/5/2018, do ông T không thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng. Ông T thừa nhận ông và bà M có lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung ngày 14/5/2018 và ông đồng ý giao cho bà M số tiền 100.000.000 đồng, nhưng xin kéo dài thời gian trong vòng 02 năm. Bà M không đồng ý, do ông T đã vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện giao tiền theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa bà M yêu cầu ông T giao số tiền 100.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng vì đã hết thời hạn giao tiền theo thỏa thuận nhưng ông T vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Ông T không đồng ý

thời hạn giao tiền là 02 tháng và yêu cầu thời hạn giao tiền là 02 năm, năm 2021 giao 50.000.000 đồng, năm 2022 giao 50.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T không thực hiện đúng theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Do đó phát sinh tranh chấp, bà M yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ giao số tiền 100.000.000 đồng, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn Đặng Văn T phải chịu 5% án phí giá ngạch, trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ như sau: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Nguyên đơn Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000335 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 2 Điều 92; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị M đối với bị đơn Đặng Văn T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng.
2. Buộc bị đơn Đặng Văn T có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn Nguyễn Thị M, nếu bị đơn Đặng Văn T chậm trả số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi chậm trả

tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Đặng Văn T phải nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Nguyên đơn Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000335 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/8/2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Trần Thanh Ngân**